

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN CHỢ RẪY

Số: 345 /BVCR-TTBYT
Về việc yêu cầu báo giá dịch vụ
thẩm định giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 5 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các nhà cung cấp dịch vụ thẩm định giá tại Việt Nam

Bệnh viện Chợ Rẫy có nhu cầu tiếp nhận báo giá thẩm định giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp “Máy Siêu âm chuyên tim 4D kèm gói bảo trì bao gồm thay thế linh kiện/phụ kiện” năm 2024 của Bệnh Viện Chợ Rẫy với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: BỆNH VIỆN CHỢ RẪY. Địa chỉ: 201B Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Đào Văn Hiệp – Số điện thoại: 028.38.554.137 – 028.38.554.138 – Line: 1213. Email: baogia.bvcr@gmail.com
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại Bệnh viện Chợ Rẫy (Phòng Tổ chức – Hành chính), địa chỉ: 201B Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh vào giờ hành chính các ngày trong tuần từ thứ Hai đến thứ Sáu.
 - Địa chỉ email: baogia.bvcr@gmail.com nhận file mềm excel và bản scan (có đóng dấu giáp lai các tài liệu đính kèm).
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h00 ngày 21 tháng 5 năm 2024 đến trước 17h ngày 12 tháng 6 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 12 tháng 6 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

Chi tiết danh mục các dịch vụ yêu cầu theo Bảng sau:

| STT | Danh mục dịch vụ | Mô tả dịch vụ | Khối lượng | Đơn vị tính | Địa điểm thực hiện dịch vụ | Dự kiến ngày hoàn thành dịch vụ |
|-----|--|--|------------|-------------|----------------------------|---------------------------------|
| 1. | Thẩm định giá giá trị toàn bộ Máy siêu âm chuyên tim 4D | Thẩm định giá toàn bộ thiết bị theo mô tả của “Mục A phụ lục 01” | 01 | máy | Bệnh Viện Chợ Rẫy | |
| 2. | Thẩm định giá Dịch vụ bảo trì bao gồm thay thế linh kiện/phụ kiện Máy siêu âm chuyên tim 4D | Thẩm định giá dịch vụ theo mô tả “Mục B phụ lục 01” | 01 | gói | Bệnh Viện Chợ Rẫy | |

Các nhà cung cấp báo giá với nội dung quy định như sau: Hồ sơ năng lực đính kèm bảng báo giá.

Trân trọng./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng Trang thiết bị y tế (để đăng tin)
- Lưu HC, TTBYT .



★ Phạm Thanh Việt

PHỤ LỤC 01

Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật

| STT | NỘI DUNG | |
|-----|---|--------|
| A. | YÊU CẦU KỸ THUẬT: MÁY SIÊU ÂM CHUYÊN TIM 4D (01 MÁY) | |
| 1 | I. YÊU CẦU CHUNG | |
| 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị mới 100% sản xuất năm 2024 trở về sau. | |
| 3 | <ul style="list-style-type: none"> - Đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế ISO 13485. | |
| 4 | <ul style="list-style-type: none"> - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn: <ul style="list-style-type: none"> + FDA - Food and Drug Administration (Mỹ) + CE - EU Certificate (Châu Âu) + JIS - Japanese Industrial Standards (Nhật Bản) | |
| 5 | <ul style="list-style-type: none"> - Điện áp: 220V AC / 50 - 60Hz - Môi trường làm việc: <ul style="list-style-type: none"> + Nhiệt độ hoạt động tối đa: $\geq 30^{\circ}\text{C}$ + Độ ẩm hoạt động tối đa, có thể đạt được: $\geq 70\%$ | |
| 6 | II. YÊU CẦU CẤU HÌNH | |
| 7 | Máy chính: | 01 máy |
| 8 | Đầu dò siêu âm bụng tổng quát (Convex) đa tần số: | 01 cái |
| 9 | Đầu dò siêu âm mạch máu (Linear) đa tần số: | 01 cái |
| 10 | Đầu dò siêu âm tim người lớn (Sector) đa tần số : | 01 cái |
| 11 | Đầu dò siêu âm tim người lớn 4D: | 01 cái |
| 12 | Đầu dò siêu âm tim người lớn qua thực quản 4D: | 01 cái |
| 13 | Máy in nhiệt: | 01 cái |
| 14 | Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng anh, tiếng việt, tài liệu kỹ thuật: | 01 bộ |
| 15 | Dây điện tim đi kèm theo máy siêu âm: | 01 dây |
| 16 | III. CHỈ TIÊU KỸ THUẬT | |
| 17 | 1. Máy chính | |

| STT | NỘI DUNG |
|-----|--|
| 18 | Tích hợp màn hình phụ điều khiển cảm ứng, bàn phím điều khiển, xe đẩy tích hợp đồng bộ. |
| 19 | Số cổng cảm biến đầu dò: ≥ 4 cổng. |
| 20 | Độ sâu thăm khám tối đa có thể đạt được: ≥ 30 cm. |
| 21 | Cổng xuất tín hiệu hình ảnh và kết nối HDMI, USB hoặc tương đương. |
| 22 | 2. Phần mềm: |
| 23 | Phần mềm tự động phân tích chức năng tâm thất trái trên ảnh siêu âm 2D hoặc tương đương. |
| 24 | Phần mềm tự động phân tích chức năng tâm thất trái trên ảnh siêu âm 3D hoặc tương đương. |
| 25 | Phần mềm tính sức căng mô cơ tim (strain) sử dụng phương pháp đánh dấu mô cơ tim trên các buồng tim (Speckle tracking hoặc tương đương) trên ảnh siêu âm tim 2D. - Đối với ảnh siêu âm tim 2D: tính được sức căng thất trái, thất phải và nhĩ trái - Chỉ số đo đặc sức căng ở tâm thất: đo được chỉ số sức căng dọc cơ tim – Longitudinal Strain (LS hoặc tương đương) hoặc sức căng dọc toàn phần – Global Longitudinal Strain (GLS hoặc tương đương). - Chỉ số đo đặc sức căng ở tâm nhĩ: đo được chỉ số sức căng pha chứa nhĩ Left Atrial Reservoir strain (LASr hoặc tương đương), hoặc đo được chỉ số Longitudinal Strain (LS hoặc tương đương). |
| 26 | Phần mềm tính sức căng mô cơ tim (strain) sử dụng phương pháp đánh dấu mô cơ tim trên các buồng tim (Speckle tracking hoặc tương đương) trên ảnh siêu âm tim 3D hoặc tương đương. - Đối với ảnh siêu âm tim 3D: tính được sức căng trên tâm thất. - Chỉ số đo đặc sức căng ở tâm thất: đo được chỉ số sức căng dọc cơ tim – longitudinal strain (LS hoặc tương đương) hoặc sức căng dọc toàn phần – global longitudinal strain (GLS hoặc tương đương). |
| 27 | Phần mềm hòa hình, cho phép kết hợp hình ảnh: ảnh siêu âm tim 3D và X-quang hoặc ảnh siêu âm tim 3D và CT-scan. |
| 28 | Phần mềm siêu âm tim gắng sức. |
| 29 | Phần mềm chuyên dụng: khảo sát tim 3D/4D qua thành ngực. |
| 30 | Phần mềm chuyên dụng: khảo sát tim 3D/4D qua ngã thực quản. |
| 31 | 3. Chế độ hoạt động tối thiểu: |
| 32 | Chế độ B |
| 33 | Chế độ M |
| 34 | Chế độ Doppler màu |

| STT | NỘI DUNG |
|-----|--|
| 35 | Chế độ Doppler liên tục |
| 36 | Chế độ Doppler xung |
| 37 | 4. Phụ kiện đi kèm: |
| 38 | Giấy in nhiệt: khổ A6 hoặc kích thước 110mm x 20m hoặc tương đương |
| 39 | IV. YÊU CẦU KHÁC |
| 40 | Thời gian bàn giao đưa vào sử dụng: ≤ 120 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. |
| 41 | Bảo hành toàn bộ thiết bị và phụ kiện kèm theo: ≥ 12 tháng kể từ ngày bàn giao đưa vào sử dụng. Cam kết thực hiện bảo trì, bảo dưỡng theo đúng quy trình, quy định của nhà sản xuất (đính kèm xác nhận quy trình bảo trì theo tiêu chuẩn nhà sản xuất) nhưng tối thiểu ≥ 2 lần/năm. |
| 42 | Thời gian thực hiện dịch vụ: Từ 8:00 đến 18:00 các ngày trong tuần trừ các ngày Lễ và Tết. |
| 43 | Hỗ trợ trực tuyến (24/24) và kiểm tra, sửa chữa tại điểm đặt máy khi máy gặp sự cố đột xuất, không giới hạn số lần trong suốt thời gian bảo hành thiết bị. |
| 44 | Cam kết tổng thời gian dừng máy trong suốt thời gian bảo hành ≤ 18 (tương đương 5% của 365 ngày/năm) (bao gồm thứ 7, chủ nhật, lễ, tết): <ul style="list-style-type: none"> + Từ ngày dừng máy thứ nhất đến thứ 18, mỗi ngày dừng máy sẽ được quy đổi thành 1 ngày bảo hành cộng thêm. + Từ ngày dừng máy thứ 19 trở về sau, mỗi ngày dừng máy vượt sẽ được quy đổi thành 2 ngày bảo hành cộng thêm. + Cách tính số ngày dừng máy: <ul style="list-style-type: none"> · Nếu máy dừng ≥ 4 giờ /ngày làm việc thì tính là 1 ngày. · Đối với thứ 7, CN, lễ tết ≥ 8 giờ /ngày thì tính là 1 ngày |
| 45 | Thời gian có mặt tại đơn vị sử dụng để kiểm tra trong vòng 04 giờ làm việc kể từ lúc nhận cuộc gọi thông báo sự cố hư hỏng với trường hợp không thể xử lý khắc phục từ xa được. |
| 46 | Nhân viên thực hiện dịch vụ (kiểm tra, bảo trì) hệ thống thiết bị phải được cấp chứng nhận đào tạo từ nhà sản xuất về chủng loại thiết bị thực hiện dịch vụ. |
| 47 | Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao và phụ tùng thay thế: ≥ 8 năm kể từ ngày ký hợp đồng. |
| 48 | <ul style="list-style-type: none"> - Lắp đặt, bàn giao tại địa điểm sử dụng. - Đào tạo cho đơn vị sử dụng: vận hành, sử dụng, vệ sinh bảo dưỡng. - Đào tạo cho kỹ sư của Bệnh viện: bảo dưỡng, kiểm tra, cách khắc phục lỗi cơ bản. |
| 49 | <ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp tài liệu hướng dẫn sử dụng thiết bị. - Cung cấp tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất (theo chính sách của hãng). |

| STT | NỘI DUNG |
|-----|--|
| 50 | Cam kết thiết bị được kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định pháp luật hiện hành. |
| B | GÓI DỊCH VỤ BẢO TRÌ BAO GỒM THAY THẾ LINH KIỆN/PHỤ KIỆN “MÁY SIÊU ÂM CHUYÊN TIM 4D” |
| 51 | I. Phạm vi thực hiện: |
| 52 | Số lượng: 01 máy. Bao gồm cả thiết bị và phụ kiện, theo mục A , không bao gồm vật tư tiêu hao. |
| 53 | II. Thời gian thực hiện: |
| 54 | 36 tháng kể từ khi hết bảo hành gói thầu mua sắm “Máy siêu âm chuyên tim 4D” |
| 55 | III. Yêu cầu dịch vụ: |
| 56 | Bảo dưỡng phòng ngừa: Cam kết thực hiện bảo trì, bảo dưỡng định kỳ theo đúng quy trình nhà sản xuất, và tối thiểu ≥ 2 lần/ năm. (đính kèm xác nhận quy trình bảo trì theo tiêu chuẩn nhà sản xuất) |
| 57 | Thời gian thực hiện dịch vụ: Từ 8:00 đến 18:00 các ngày trong tuần trừ các ngày lễ và tết. |
| 58 | Hỗ trợ trực tuyến (24/24) và kiểm tra, sửa chữa tại điểm đặt máy khi máy gặp sự cố đột xuất, không giới hạn số lần trong suốt thời gian bảo trì, bảo dưỡng hệ thống thiết bị. |
| 59 | Thời gian phản hồi sau khi nhận yêu cầu từ Bệnh viện và có mặt tại địa điểm đặt máy để kiểm tra và sửa chữa. Áp dụng cho những ngày làm việc trong tuần kể cả thứ 7 và chủ nhật. |
| 60 | Thời gian phản hồi: Trong vòng 30 phút kể từ khi nhận cuộc gọi. |
| 61 | Thời gian có mặt tại đơn vị sử dụng để kiểm tra trong vòng 04 giờ làm việc kể từ lúc nhận cuộc gọi thông báo sự cố. |
| 62 | Cam kết thay thế tất cả các linh kiện/phụ kiện cho toàn bộ hệ thống/thiết bị theo phạm vi thực hiện không giới hạn số lượng và không phát sinh chi phí của hợp đồng. |
| 63 | Tất cả linh kiện/phụ kiện sau khi được thay thế mới thì nhà thầu có trách nhiệm bảo hành theo chính sách bảo hành của Hãng đối với linh kiện/phụ kiện. |
| 64 | Các linh kiện/phụ kiện được thay mới 100% có chứng từ nhập khẩu. |
| 65 | Cam kết tổng thời gian dừng máy trong suốt thời gian bảo trì ≤ 18 ngày/năm (bao gồm thứ 7, chủ nhật, lễ, tết): - Từ ngày dừng máy thứ 19 trở về sau, mỗi ngày dừng máy vượt sẽ được quy đổi thành 2 ngày bảo hành cộng thêm. - Cách tính số ngày dừng máy: + Nếu máy dừng ≥ 4 giờ /ngày làm việc thì tính là 1 ngày. + Đối với thứ 7, CN, lễ tết ≥ 8 giờ /ngày thì tính là 1 ngày. |
| 66 | Đảm bảo hệ thống/thiết bị trong thời gian hiệu lực của gói bảo trì, hoạt động ổn định, an toàn đáp ứng yêu cầu chuyên môn của khoa. |

| STT | NỘI DUNG |
|-----|---|
| 67 | Theo dõi điều kiện hoạt động thiết bị (nhiệt độ, độ ẩm, ...) và cảnh báo cho bệnh viện biết nếu có bất thường vượt ngoài điều kiện của hãng khuyến nghị. |
| 68 | Nhân viên thực hiện dịch vụ (kiểm tra, bảo trì) hệ thống thiết bị phải được cấp chứng nhận đào tạo từ nhà sản xuất về chủng loại thiết bị thực hiện dịch vụ. |
| 69 | Thực hiện công việc theo quy trình tối thiểu sau: + Đánh giá tình trạng hoạt động hệ thống thiết bị trước bảo trì và ghi nhận lại bằng biên bản có chữ ký của 2 bên. + Đánh giá tình trạng hệ thống thiết bị sau bảo trì, các ván đè đã sửa chữa và thay thế phụ kiện/linh kiện. Có biên bản ghi nhận cụ thể và có chữ ký của 2 bên |
| 70 | Tất cả hoạt động bảo trì, bảo dưỡng hệ thống thiết bị được lưu lại và cập nhật cho bệnh viện cho đến khi hoàn tất và được báo cáo chi tiết. |